

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHẠM GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHẠM GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHAM GIA COMMERCIAL INVESTMENT & GENERAL SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109178739

**3. Ngày thành lập:** 11/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 567B phố Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: *Giapham.ltd@outlook.com*

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                    | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299     |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                               | 4311     |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                | 4322     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                       | 4329     |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330     |
| 10. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                  | 4390     |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa;<br>Môi giới mua bán hàng hóa | 4610     |
| 12. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                               | 4620     |
| 13. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                       | 4631     |
| 14. | Bán buôn thực phẩm                                                                                   | 4632     |
| 15. | Bán buôn đồ uống                                                                                     | 4633     |
| 16. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                 | 4641     |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                   | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                           | 4651        |
| 19. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                            | 4652        |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                               | 4659        |
| 21. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                  | 4661        |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                          | 4662        |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                       | 4663        |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                             | 4669        |
| 25. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                             | 4690(Chính) |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                       | 4711        |
| 27. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                            | 4719        |
| 28. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                             | 4721        |
| 29. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4722        |
| 30. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4723        |
| 31. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên<br>doanh                                                                                                        | 4724        |
| 32. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4730        |
| 33. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4741        |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4752        |
| 35. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                | 4753        |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 37. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các<br>cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4771        |
| 38. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong<br>các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4772        |
| 39. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu và hàng hóa bị<br>cấm khác)                                          | 4773        |
| 40. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                            | 4791        |
| 41. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                       | 4799        |
| 42. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                | 4933        |
| 43. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                   | 5210        |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                       | 5225        |
| 45. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                     | 5510        |

|     |                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                         | 5610 |
| 47. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                 | 5621 |
| 48. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                     | 5629 |
| 49. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                  | 5630 |
| 50. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                    | 6201 |
| 51. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                      | 6202 |
| 52. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                          | 6209 |
| 53. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                       | 8299 |
| 54. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Môi giới bất động sản;<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820 |
| 55. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                   | 7710 |
| 56. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                | 7729 |
| 57. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                           | 7730 |
| 58. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                    | 8211 |
| 59. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                 | 8219 |
| 60. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                | 8230 |
| 61. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                | 9511 |
| 62. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                               | 9512 |
| 63. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                             | 9521 |
| 64. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                      | 9522 |
| 65. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                           | 9620 |
| 66. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                | 9631 |
| 67. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                    | 9639 |
| 68. | Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình                                                                                                    | 9810 |
| 69. | Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình                                                                                                     | 9820 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỒNG THỊ KHÁNH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012826067

Ngày cấp: 17/12/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 22, ngõ 110 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 22, ngõ 110 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội